

Diễn trình lịch sử - văn hóa của cư dân miền núi Nghệ An thời tiền sử

Nguyễn Khắc Sử¹

Tóm tắt: Miền núi Nghệ An là nơi tập trung nhiều di tích tiền sử hang động, chứng kiến sự chiếm cư sớm của con người từ khoảng 60.000 năm trước đây (BP). Vùng núi Nghệ An cũng là nơi nảy sinh một loạt các di tích hậu kỳ Đá cũ, sơ kỳ Đá mới, tham góp vào sự hình thành các văn hóa Đa Bút, văn hóa Quỳnh Văn và văn hóa Bàu Tró. Vào giai đoạn sau Hòa Bình, ở vùng núi Nghệ An cư dân cổ vẫn bảo lưu truyền thống Hòa Bình như cư trú trong hang, săn bắt, hái lượm, đặc biệt là bắt các loài nhuyễn thể. Vào giai đoạn sơ kỳ Kim khí, một số cư dân vùng núi đã vươn ra chiếm lĩnh thềm sông, thực thi các hoạt động nông nghiệp cố định, đóng góp vào quá trình giao lưu, hội nhập và tiếp biến văn hóa ở Bắc Trung Bộ Việt Nam.

Từ khóa: Văn hóa tiền sử; diễn trình lịch sử; Nghệ An.

Abstract: In the mountainous areas of Nghệ An province are concentrated many prehistoric relics, that demonstrates the inhabitation by humans since as long as 60,000 years ago. The areas are also home to various relics of the Upper Palaeolithic and early Neolithic eras, which contributed to the formation of the cultures named Đa Bút, Quỳnh Văn and Bàu Tró. In the stage after the Hòa Bình culture, in the mountainous areas of the present-day Nghệ An, the locals still maintained the Hòa Bình traditions including living in caves, hunting, gathering, especially the catching of mollusks. In the early stage of the Metalwork period, a number of mountaineers went to occupy the riverside areas, practicing agricultural activities, thus contributing to the process of cultural exchange and integration and acculturation in Vietnam's North Central region.

Keywords: Prehistoric culture; historical developments; Nghệ An.

1. Mở đầu

Nghệ An là tỉnh ở Bắc Trung bộ Việt Nam, có diện tích lớn nhất cả nước (16.507,3 km²) và cũng là nơi đầy ắp những dấu ấn văn hóa tiền sử nổi tiếng của Việt Nam. Năm 2015, Viện Khảo cổ học đã phát hiện mới 21 di tích hang động và thám định trên 20 di tích khác [10]. Đây là nguồn sử liệu quan trọng cho phép tìm hiểu diễn trình lịch sử - văn hóa của cộng đồng cư dân ở

vùng đất này trong thời tiền sử từ Đá cũ qua Đá mới đến Kim khí.

2. Giai đoạn hậu kỳ Đá cũ

Hậu kỳ Đá cũ vùng núi Nghệ An có 2 giai đoạn: giai đoạn hình thành người hiện đại sớm và giai đoạn người hiện đại muộn.

¹ Phó giáo sư, tiến sĩ, Viện Khảo cổ học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. ĐT: 0913362931. Email: nguyen_khacsu@yahoo.com

2.1. Giai đoạn hình thành người hiện đại sớm

Tiêu biểu cho giai đoạn này là di tích hang Thẩm Ôm, xã Châu Thuận, huyện Quỳnh Châu. Di tích được phát hiện năm 1973, thám sát năm 1975 và khai quật năm 1977. Ở đây đã phát hiện trên 30 loài động vật hóa thạch (đặc trưng là Pongo, Gấu tre, Voi răng kiếm) có niên đại Pleistocene, cùng hóa thạch người khôn ngoan sớm (*Homo sapiens*) và công cụ đá.

Trong số các răng thuộc họ người ở Thẩm Ôm có 5 chiếc gắn với răng người hiện đại, song còn bảo lưu những nét cổ xưa của răng người đứng thẳng (*Homo erectus*) như thành răng thấp, thành phía trong khum, đỉnh răng nanh nhọn. Lúc đầu, niên đại trầm tích Thẩm Ôm được dự đoán là 140.000 - 250.000 BP, vì trong số hóa thạch này có vượn khổng lồ [5, tr.24-26]. Sau khi xác định lại răng vượn khổng lồ ở đây là răng *Pongo* sp, thì tuổi của Thẩm Ôm được xác định lại vào khoảng 60.000 năm. Cũng như vậy, lúc đầu những công cụ đá ở đây được cho là tương đương với sơ kỳ Đá cũ, còn giờ đây chúng được xếp vào hậu kỳ Đá cũ, tương đương với kỹ nghệ Làng Vạc (Nghệ An) và lớp dưới hang Con Moong (Thanh Hóa). Thành phần động vật hang Thẩm Ôm tương đương với Hang Hùm (Yên Bái), hang Làng Tráng (Thanh Hóa), các hang Padang, đảo Sumatra và hang Punung, đảo Java (Indonesia). Hai hang ở Indonesia có niên đại tuyệt đối bằng phương pháp AAR (Aspartic Acid Racemization) là 80.000 BP [18, tr.101-109]. Do vậy, Thẩm Ôm có niên đại dự đoán vào khoảng 70.000 BP - 60.000 BP.

Như chúng ta đã biết, ở Nam Á và Đông Nam Á người ta tìm thấy không nhiều hóa thạch người và cũng rất ít di tích được xác định niên đại tuyệt đối. Lâu nay chúng ta chỉ biết đến sọ người hiện đại ở hang Niah 1, Sarawak, Malaysia có tuổi 40.000 BP. Di cốt người hiện đại sớm nhất ở Nam Á là ở Fa Hein (Sri Lanka) có tuổi 36.000 BP, còn ở Đông Nam Á hải đảo sớm nhất là hóa thạch người ở hang Callao, đảo Luzon (Philippines) có tuổi khoảng 67.000 BP [21, tr.123-132].

Năm 2015, khai quật hang Tam Pa Ling, tỉnh Hủa Pan (Lào) đã phát hiện sọ người (ký hiệu TPL1) và hàm dưới người (ký hiệu TPL2) trong dãy núi xuyên qua biên giới Việt - Lào. Sọ người TPL1 và hàm dưới TPL2 tìm thấy trong một đơn vị địa tầng, có tuổi từ 63.000 BP đến 44.000 BP [22, tr.1-17]. Nhưng ở đây vẫn chưa tìm thấy công cụ lao động. Những phát hiện di cốt người người hiện đại sớm ở Thẩm Ôm và Tam Pa Ling (Lào) cho thấy đây là địa bàn chứng kiến quá trình hình thành người hiện đại sớm nhất ở Đông Nam Á.

2.2. Giai đoạn người hiện đại muộn (40.000 BP đến 11.000 BP)

Tiêu biểu cho giai đoạn này ở vùng núi Nghệ An là di tích hang Thẩm Ôm (lớp trên), Thẩm Chàng, Hang Bua, Hang Bông, hang Cỏ Ngụn (Quỳnh Châu), Hang Ông Trạng (Con Cuông), Mái đá Bò 1 và Mái đá Bò 3 (Anh Sơn), cùng một số di tích đồi gò thềm sông ở huyện Nghĩa Đàn.

Ở lớp trên hang Thẩm Ôm, năm 2015 đã phát hiện 16 công cụ cuội ghè đẽo thô sơ với các loại hình chopper, nạo, mũi nhọn, không định hình, công cụ mảnh tước. Ở hang Thẩm Chàng đã tìm thấy 9 công cụ

làm từ viên cuội, từ mảnh cuội vỡ hoặc từ mảnh tước, cùng vỏ ốc suối, ốc ruộng có dấu chặt đất. Ở hang Ông Trọng đã tìm thấy 2 công cụ cuội dạng chopper. Ở Mái đá Bò 3 tìm thấy 7 công cụ đá, dạng end chopper, side chopper, mũi nhọn, chày, công cụ cuội ghè đẽo. Những công cụ này gắn với nhóm công cụ hậu kỳ Đá cũ Làng Vạc (Nghệ An) và công cụ lớp 4 và lớp 5, hang Con Moong (Thanh Hóa), nơi có niên đại tuyệt đối bằng phương pháp quang học kích thích phát quang OSL (Optically Stimulated Luminescence) từ 40.000 BP đến 32.000 BP.

Trong trầm tích vách một số hang động như Hang Bua, Hang Bông, hang Cỏ Ngọn (Quỳ Châu), Mái đá Bò 1 (Anh Sơn) còn bảo lưu các hóa thạch động vật (như khỉ, hươu, nai, lợn, voi, tê giác, trâu, bò...) cùng vỏ nhuyễn thể ốc núi, ốc suối, đôi khi còn tìm thấy công cụ đá. Đây là di vật thường gặp trong các kỹ nghệ hậu kỳ Đá cũ Việt Nam. Đồng đại với các di tích này, ở miền trung du Nghệ An còn tìm thấy một số di tích hậu kỳ Đá cũ như Làng Vạc, Xóm Đình, Cồn Kho, Mỏ Vạn và Nghĩa Quang thuộc vùng đồi huyện Nghĩa Đàn. Công cụ ở đây chủ yếu làm từ viên cuội, đá quartz, quartzit nằm trong lớp Pleistocene muộn với các loại: mũi nhọn, end chopper, side chopper, hai rìa lưỡi, rìa lưỡi xung quanh, phân tử viên cuội, đặc trưng cho văn hóa Sơn Vi.

Cư dân hậu kỳ Đá cũ miền núi Nghệ An không chỉ cư trú ở ngoài trời, mà còn trong các hang động đá vôi; tiến hành săn bắt - hái lượm ở các thung lũng karst và các đồi gò ven sông. Có thể một số loài động vật tìm thấy trong hang là những con mồi do

con người thời đó săn bắt được như khỉ, hươu, nai, lợn, voi, tê giác. Họ cũng là cư dân đầu tiên thu lượm các loài nhuyễn thể nước ngọt và sử dụng làm thực phẩm. Trong lao động, họ đã sử dụng những công cụ cuội ghè đẽo thô sơ, công cụ cuội vỡ, mảnh tước có rìa lưỡi sắc làm dao cắt xẻ thịt động vật. Họ sống thành các nhóm nhỏ trong khu vực đá vôi các xã Châu Thuận, Châu Tiến và Châu Bính (Quỳ Châu), các xã Hoa Sơn (Anh Sơn), Chi Phương (Con Cuông) hoặc khu vực đồi gò ven sông huyện Nghĩa Đàn. Nhờ lao động và cuộc sống tập thể, các yếu tố cộng đồng xã hội ngày càng được tăng cường. Con người thời này nương tựa vào nhau, cùng săn bắt, hái lượm và chống lại các bầy thú dữ để tồn tại và phát triển. Người ta tìm thấy những nét gần nhau giữa tổ hợp công cụ cuội ở miền núi Nghệ An với miền núi Thanh Hóa, Ninh Bình và với Quảng Bình, Quảng Trị, gợi mở hướng quan hệ văn hóa trong toàn khu vực Bắc Trung Bộ Việt Nam.

3. Giai đoạn sơ kỳ Đá mới

Giai đoạn sơ kỳ Đá mới ở miền núi Nghệ An được xác định bởi tổ hợp công cụ đá ghè đẽo mang đặc trưng kỹ nghệ Hòa Bình, có tuổi từ 11.000 BP đến 5.000 BP. Cho đến nay, ở vùng núi Nghệ An đã phát hiện 18 di tích sơ kỳ Đá mới, tiêu biểu là các hang: Thảm Hoi, Khe Dầu, Cỏ Ngọn, Hang Bua, Bạc Quàng, Mái Đá T3, Pha Phàng 1, Pha Phàng 2, Pha Phàng 3, Noọng Mu 1, Noọng Mu 2, Hoóng Nàng, Cửa Lũy, Đồng Trương, Vân Động, Hang Chùa, Mái đá Bò 1 và Mái đá Bò 2. Trong đó 3 di tích đã được khai quật là Thảm Hoi (Con Cuông), Đồng Trương (Anh Sơn) và Hang Chùa (Tân Kỳ). Hang Trương Đồng có tầng

văn hóa dày 1,3 m gồm 2 lớp: lớp trên, chứa di vật thời đại Kim khí; còn lớp văn hóa dưới, dày 60 - 70 cm, chứa công cụ cuội ghè đẽo kiểu văn hóa Hòa Bình [12, tr.64-66]. Trong lớp văn hóa dưới đã tìm thấy trên 200 công cụ đá, gồm các loại: nạo hình đĩa, rìu hình bầu dục, mũi nhọn, end chopper, side chopper, nhiều rìu, phần tư cuội, công cụ mảnh tước, chày, bàn nghiền, viên đá có đục lỗ vữa.

Cũng thuộc bình tuyến Đá mới sớm ở vùng núi Nghệ An còn có cuộc khai quật hang Thảm Hoi (Con Cuông) [3, tr.60-63] và Hang Chùa (Tân kỳ) [8, tr.71-72]. Tầng văn hóa hai hang này dày trên 1,6 m ken dày vỏ ốc cạn với 2 lớp: lớp dưới thuộc văn hóa Hòa Bình, lớp trên thuộc hậu kỳ Đá mới, song giữa chúng không có lớp ngăn cách. Trong lớp dưới hang Thảm Hoi và Hang Chùa đều tìm thấy công cụ chày thô, nạo cắt, công cụ hình rìu, nạo hình đĩa, chày, mũi nhọn, dao và công cụ mảnh tước. Ở đây hầu như không gặp rìu ngắn, rìu mài lưỡi như các di tích văn hóa Hòa Bình điển hình khác ở Việt Nam.

Niên đại tuyệt đối bằng phương pháp cacbon phóng xạ (C14) cho lớp văn hóa Đá mới sớm ở miền núi Nghệ An qua kết quả phân tích các mẫu ở di tích Thảm Hoi là 10.125 ± 175 BP (tính từ 1950), 10.875 ± 175 BP, 10.255 ± 150 BP, 10.815 ± 150 BP và 10.550 ± 120 BP; ở di tích Hang Chùa là 9.075 ± 120 BP, 9.575 ± 120 BP và 9.175 ± 120 BP.

Về di cốt người sơ kỳ Đá mới miền núi Nghệ An, theo Nguyễn Lâm Cường, người cổ ở mộ 2 và mộ 3 hang Thảm Hoi có tuổi thọ khoảng 35 - 45 tuổi. Người cổ ở mộ 2 Hang Chùa thuộc đại chủng Australo-negroid, còn

người cổ ở mộ 1 hang Thảm Hoi là hỗn chủng giữa Australo-negroid và *Mongoloid* [1, tr.79-89]. Trong 10 mộ táng ở hang Đồng Trương thuộc giai đoạn sơ kỳ Đá mới đều là mộ huyết đất. Các di cốt người ở đây đều bị vỡ nát, không đầy đủ; có mộ chỉ thấy độc cốt sọ (mộ 8), có mộ 1 sọ nằm giữa một đồng xương vụn nát (mộ 3). Tuy nhiên, về tư thế chôn có thể nhận rõ 3 kiểu khác nhau là nằm nghiêng co (mộ 1), nằm co gập tứ chi (các mộ 5, 7 và 10) và ngồi xổm bó gối (mộ 6 và mộ 9). Đây là tư liệu quý về tập tục chôn cất người văn hóa Hòa Bình ở Nghệ An. Trong số 13 cá thể ở đây bước đầu nhận ra có 4 bộ hài cốt là trẻ em, 8 hài cốt người trưởng thành [2, tr.60-63].

Thành phần động vật Hang Chùa và Thảm Hoi đều là động vật hoang dã, chưa xuất hiện chăn nuôi và trồng trọt. Trong đó, chiếm tỷ lệ cao là hươu, nai (46%), trâu bò rừng (21%), còn lợn và khi chiếm tỷ lệ thấp hơn. Ở 2 hang này tìm thấy 13 loài nhuyển thể, thuộc 2 nhóm ốc và trai. Tất cả đều là các loài ở cạn và nước ngọt, thường gặp ở miền Bắc nước ta hiện nay và được cư dân hiện nay dùng làm thức ăn.

Các di tích Đá mới sớm ở miền núi Nghệ An là một bộ phận không thể tách rời thời đại Đá mới Bắc Trung Bộ Việt Nam. Tiêu biểu cho di tích ở phía bắc Nghệ An là Mái đá Điều (Thanh Hóa), được khai quật vào các năm 1986 và 1998. Di tích có địa tầng dày trên 4,0 m gồm 6 đơn vị địa tầng, từ dưới lên: các lớp 4, 5 và 6 thuộc thời đại Đá cũ, ba lớp trên 1, 2 và 3 thuộc thời đại Đá mới. Niên đại C14 Mái đá Điều như sau: lớp 5 có tuổi từ 25.000 BP đến 20.000 BP, lớp 4 có tuổi từ 20.000 BP đến 12.000 BP, lớp 3 và 2 có tuổi 12.000 BP - 9.000 BP. Tổ hợp công cụ đá

Mái đá Điều thuộc kỹ nghệ cuội ghè, không đặc trưng hoàn toàn cho văn hóa Sơn Vi và văn hóa Hòa Bình, mà mang đặc thù của kỹ nghệ Điều [4, tr.5-14].

Về phía nam Nghệ An, có một số di tích sơ kỳ Đá mới như Yên Lạc, Kim Bảng, Xóm Thâm, Xóm Thón và Đức Thi (Quảng Bình) được M.Colani phát hiện từ năm 1930 [14, tr.299-422]. Các di tích này thường nhỏ, thấp và gần sông suối. Tầng văn hóa chứa vỏ ốc nước ngọt, loài Palunine, hiếm loài ốc ruộng *Antimelania* như Nghệ An. Công cụ đá chủ yếu được làm từ nguồn cuội tại chỗ, đá phiến, ghè đẽo nhỏ, loại hình nổi bật là rìu hình hạnh nhân, rìu ngắn, nạo hình đĩa, cùng rìu mài lưỡi và phiến thạch có dấu rãnh đôi thường gặp trong văn hóa Hòa Bình và Bắc Sơn [9, tr.1-13].

Nghiên cứu cổ từ cảm một số hang động ở Thanh Hóa, Ninh Bình và Hòa Bình mới đây cho biết, khí hậu vùng này từ 12.000 đến 7.000 năm có sự xen kẽ giữa các chu kỳ nóng ẩm, khô lạnh và mát mẻ. Trong đó, từ 11.400 đến 8.000 năm có một thời kỳ lạnh thực sự, đồng thời lúc này lượng mưa tăng gấp nhiều lần so với giai đoạn trước đó [6] và có thể xem đây là nguyên nhân buộc cư dân sơ kỳ Đá mới lựa chọn giải pháp ở hang, bắt các loài nhuyễn thể và khai thác thủy sản trong các sông hồ [20, tr.64-73].

Sống tương đối biệt lập ở các thung lũng đá vôi miền núi Nghệ An, song cư dân ở đây vẫn có những mối liên hệ với nhau và với cư dân đồng đại ở Bắc Trung Bộ, do vậy giữa các nhóm cư dân này vẫn có sự thống nhất trong văn hóa ứng xử với người đã khuất như chôn người tại nơi cư trú, duy trì tập tục chôn nằm co, bó gói, quanh mộ

thường chèn đá học, trong mộ chôn theo công cụ và được rắc thổ hoàng.

Các di tích sơ kỳ Đá mới miền núi Nghệ An có quan hệ nhất định với cư dân cùng thời ở Lào, Thái Lan và Campuchia. Lào nằm ở phía tây Nghệ An, có những phát hiện và nghiên cứu khảo cổ học hang động khá sớm, song thực sự bắt đầu từ năm 2004 với *Dự án khảo cổ học vùng trung lưu sông Mekong* do Joyce White chủ trì. Dự án đã phát hiện hàng chục di tích hang động mái đá, đáng chú ý là các cuộc khai quật các hang Thẩm Mae, Mái đá Phou Phaa Khao và hang Thẩm Vang Ta Leow thuộc kỹ nghệ Hòa Bình điển hình [19, tr.25-27]. Trong sưu tập hang Tham Mae, đã tìm thấy công cụ hình “bàn là” giống công cụ ở Sai York (Thái Lan) và Mái đá Điều (Thanh Hóa). Ở Mái đá Mouxeu Ngeubhinh (tỉnh Luang Nam Tha), lớp dưới có niên đại OSL từ 56.000 đến 45.000 ± 200 BP xuất hiện công cụ mảnh tước tu chỉnh làm từ đá chert, đại diện cho Tiền Hòa Bình; ở các lớp muộn hơn tìm thấy công cụ Hòa Bình điển hình như công cụ sumatralith, rìu hình bầu dục [23, tr.529-537]. Ở hang Tham Vang Ta Leow (tỉnh Luang Prabang), kỹ nghệ công cụ đá Hòa Bình có niên đại 9.770 ± 50 BP [24, tr.319]. Những tư liệu trên cho thấy, trong giai đoạn sơ kỳ Đá mới, vùng núi đá vôi Thanh Hóa - Nghệ An gắn chặt với Lào và mang đặc trưng cơ bản của văn hóa Hòa Bình ở Đông Nam Á lục địa.

Trên đất Thái Lan, một số di tích sơ kỳ Đá mới kiểu văn hóa Hòa Bình tiêu biểu (như hang Sai York, hang Ongbah, Hang Ma, hang thung lũng Cây Đa, hang Vách Đá, Mái đá Pha Chang, hang Ment, hang Peteh Kuha, hang Heap và Khao Talu, hang

Moh Khiew) đã được khai quật. Cuối những năm 1990, Shoocongdej khai quật một số hang như Lang Kamnan và Mái đá Tham Lod, tỉnh Mae Hong Son.

Trong các di tích trên, đáng chú ý là di tích Sai York có 3 lớp văn hóa: lớp sâu nhất dày trên 4 m, (lớp này có nhiều công cụ cuội ghè đẽo thô sơ như chopper rìa dọc, rìa ngang, mũi nhọn, công cụ dạng cuốc tay, có người xem lớp này gần với hậu kỳ Soan, phía tây Punjab và Bắc Ấn Độ), lớp giữa thuộc kỹ nghệ Hòa Bình, lớp trên cùng thuộc hậu kỳ Đá mới [16]. Khai quật Mái đá Lang Rongrien ở Krabi, phía nam Thái Lan vào các năm 1983, 1985 và 1990, D. Anderson cho biết, di tích gồm 4 tầng văn hóa. Tầng trên cùng (gồm các lớp từ 1 đến 4) có niên đại khoảng 4.000 năm BP. Tầng thứ hai (các lớp 5 và 6) dày 1,5 m chứa các công cụ đá kiểu văn hóa Hòa Bình, niên đại 7.000 BP - 8.600 BP. Tầng thứ ba (lớp 7) dày 1,0 m là tầng không có di vật (do đá vôi rơi xuống). Tầng thứ tư (các lớp 8, 9 và 10) là lớp cư trú. Lớp 8 có các niên đại từ 27.000 BP đến 32.000 BP, lớp 9 có niên đại 37.000 BP. Kỹ nghệ trước giai đoạn văn hóa Hòa Bình là kỹ nghệ mảnh tước nhỏ có đầu tu chỉnh, làm từ đá chert hoặc chalcedony. Gần 90% là công cụ và mảnh tước, dưới 4% là công cụ hạch cuội. Trong tầng này hầu như không có vỏ nhuyễn thể trừ hai mảnh của loài bivalve [13]. Hà Văn Tấn đã liên hệ kỹ nghệ mảnh tước Lang Rongrien với kỹ nghệ Ngườm (Việt Nam) và Bạch Liên Động (Trung Quốc). Bắc Trung Bộ Việt Nam chưa tìm thấy kỹ nghệ mảnh tước kiểu Ngườm (Thái Nguyên) và Lang Rongrien (Thái Lan).

Trên đất Campuchia, di tích duy nhất được xếp vào văn hóa Hòa Bình là hang Leang Spean, tỉnh Battambang. Đến nay, sưu tập hiện vật đá ở địa điểm này đã lên tới 9.500 chiếc, nhưng 99,6% là mảnh tước. Di vật tiêu biểu là công cụ hình đĩa, rìu ngắn, công cụ kiểu Sumatralith với các biến thể khác nhau. Năm 2012, Valer Zeitoun cho biết rằng, đồ gốm ở Leang Spean gồm 2 nhóm: nhóm gốm văn thừng đập (niên đại Hòa Bình muộn có tuổi 6.240 ± 70 BP), nhóm gốm văn khắc vạch (có tuổi từ 3.970 ± 90 BP đến 4.000 ± 90 BP) [23, tr.529-537]. Cũng tại hang này, đoàn tiền sử Pháp - Campuchia đã khai quật độ sâu 5 m, tìm thấy vết tích chiếm cư đầu tiên hang này có tuổi từ 71.000 BP đến 26.000 BP, thuộc kỹ nghệ công cụ mảnh tách ra từ hạch đá đa diện, bằng hệ thống ghè đập xen kẽ với vẩy tước nhỏ, nạo, công cụ tháp hình răng, nhỏ dưới 50 mm. Lớp trên dày 30 - 40 cm có tuổi từ 11.000 BP đến 5.000 BP, tìm thấy vết tích than tro, thành phần động vật như bò, hươu, lợn, tê giác và kỹ nghệ đá như sumatralith, chopper, chopping-tools kiểu Hòa Bình vốn phân bố rộng khắp ở Việt Nam, Lào, Miến Điện, Thái Lan cũng như đảo Sumatra ở Indonesia. Giai đoạn muộn nhất ở đây là vết tích mộ táng Đá mới, ở độ sâu 1,2 m có tuổi từ 3.300 BP [17, tr.1-15].

Ở Myanmar, vết tích văn hóa sơ kỳ Đá mới kiểu Hòa Bình được biết đến là hang Padah Lin nằm trong vùng rừng rậm phía tây cao nguyên Shan. U Aung Thaw cho rằng Padah Lin là di tích thuộc sơ kỳ Đá mới có thể so sánh với văn hóa Hòa Bình - Bắc Sơn của Việt Nam [22].

4. Giai đoạn hậu kỳ Đá mới

Ở vùng núi Nghệ An hiện chưa tìm thấy dấu tích văn hóa trung kỳ Đá mới kiểu văn hóa Đa Bút và văn hóa Quỳnh Văn. Văn hóa Đa Bút mang tên địa điểm Đa Bút ở Thanh Hóa, gồm 10 địa điểm phân bố ở đồng bằng ven biển hai tỉnh Thanh Hóa và Ninh Bình, niên đại từ 7.000 BP đến 4.000 BP. Cư dân văn hóa Đa Bút làm chủ đồng bằng ven biển, tiến hành trồng trọt một số loại cây rau, củ và phát triển mạnh nghề đánh cá trên sông, rồi trên biển và là một trong những trung tâm Đá mới hóa ở đồng bằng ven biển Việt Nam. Văn hóa Quỳnh Văn mang tên cồn sò điệp ở làng Quỳnh Văn, huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An. Cho đến nay có 21 địa điểm thuộc văn hóa này, phân bố tập trung quanh vịnh biển cổ huyện Quỳnh Lưu. Cư dân Quỳnh Văn là người khai thác nhuyễn thể biển là chính, chưa có dấu hiệu trực tiếp của trồng trọt và chăn nuôi. Người cổ Quỳnh Văn thuộc chủng tộc Australoid, có nét Mongoloid, phát triển sang văn hóa Bàu Tró (Quảng Bình) qua loại hình văn hóa Thạch Lạc (Nghệ - Tĩnh).

Cư dân văn hóa Đa Bút và Quỳnh Văn có nguồn gốc từ văn hóa Hòa Bình vùng núi Bắc Trung Bộ. Trong diễn trình phát triển hai văn hóa này đã làm thay đổi căn bản kỹ thuật chế tác công cụ đá với sự xuất hiện rìu mài toàn thân, nảy sinh các trung tâm chế tạo gốm, đẩy nhanh tốc độ phát triển không đều giữa các nhóm cộng đồng cư dân ở vùng đồng bằng ven biển. Trong khi đó, ở vùng núi Bắc Trung Bộ cư dân sau Hòa Bình vẫn tiếp tục bảo lưu truyền thống văn hóa Hòa Bình như ở hang, săn bắt hái lượm, chế tác và sử dụng công cụ cuội kiểu Hòa Bình, tất nhiên đôi nơi đã

xuất hiện rìu tứ giác mài toàn thân, bàn mài, xuất hiện gốm văn thừng và gốm khắc vạch.

Tiêu biểu cho các di tích hang động giai đoạn này là hang Noọng Mụ 2 (lớp trên), hang Pha Lại, Thẩm Bông, Thẩm Cỏ Ngụn (lớp trên), Mái đá Bò 2. Cũng nói thêm, trên bề mặt một số di tích văn hóa Hòa Bình ở vùng này đôi khi cũng gặp vết tích văn hóa hậu kỳ Đá mới như rìu có vai, rìu tứ giác mài nhẵn toàn thân và đồ gốm thô trang trí văn thừng, văn khắc vạch. Nhìn chung các di tích này tầng văn hóa mỏng, di vật ít, minh chứng cho việc định cư tạm thời, theo mùa. Có thể xem đây là những cư dân bám trụ trong các hang động đá vôi, tiếp tục truyền thống Hòa Bình và hậu Hòa Bình ở miền núi Bắc Trung Bộ.

Sự bảo lưu truyền thống Hòa Bình ở vùng núi Nghệ An còn kéo dài đến hậu kỳ Đá mới - sơ kỳ Kim khí, khi mà ở vùng đồng bằng đã xuất hiện và phát triển cao văn hóa Bàu Tró. Đến nay đã có trên 20 địa điểm văn hóa Bàu Tró phân bố dọc đồng bằng ven biển từ Nghệ An vào tới Quảng Bình, tồn tại từ 4.500 BP - 3.000 BP. Người Bàu Tró săn bắt, hái lượm, đánh cá, làm nông nghiệp và các hoạt động thủ công chế tác đá đạt tới đỉnh cao.

5. Thời đại Kim khí

Vào thời điểm sau 4.000 năm, ở vùng núi đã có một bộ phận cư dân chuyển ra cư trú trên các đồi đất dọc đôi bờ sông Cả (sông Lam) như: Đền Đồi, Đền Vạn, Cửa Rào, Khe Ngâu, Bản Ang, Bản Lờ (xã Xá Lượng), Bãi Bằng Lục (xã Tam Quang), Thạch Hòa (xã Thạch Gián). Những cư dân này tiến hành săn bắt hái lượm và đánh cá trên sông, suối, triển khai các hoạt động chế

tác đồ đá và làm gốm, có thể họ đã thực thi nông nghiệp cố định ven các sông suối, một số di tích tìm thấy công cụ đồng, ghi nhận sơ kỳ Kim khí đã được thiết lập ở vùng núi Nghệ An.

Song song với những nhóm cư dân cư trú ngoài trời vẫn còn các cư dân thời đại Kim khí cư trú trong hang động, tiêu biểu là lớp trên hang Đồng Trương, huyện Anh Sơn. Trong ở hồ khai quật đã thu được 16 dọi xe chỉ bằng đất nung, 4.083 mảnh gốm thô mang đặc trưng gốm tiền Đông Sơn và Đông Sơn. Về chất liệu có 1.504 mảnh gốm đỏ, xương gốm pha cát và ít bã thực vật và 2.430 mảnh gốm xám, xương gốm nhiều cát thô hơn, độ nung cao, khá cứng. Về loại hình có 4 kiểu miệng đồ đựng, trong đó chiếm chủ yếu là kiểu miệng hình lòng máng, thường gặp ở gốm đỏ, giống miệng gốm Đường Cò hoặc Gò Mun muộn ở khu vực sông Hồng. Các kiểu khác như miệng loe cong, miệng đứng và miệng cúp vào như công cá vàng đều có số lượng ít, chủ yếu là gốm xám. Trên 70% của 635 mảnh gốm có hoa văn ở đây thuộc loại văn thừng thô, chỉ có vài mảnh thừng mịn, văn thừng biến thể dạng “vỏ na” hay “nhấn tàn ong” và văn thừng in kiểu mắt lưới, kiểu gốm Đường Cò (Hà Nội) nhưng không thật điển hình. Cách tạo văn thừng ở đây chủ yếu là kỹ thuật bàn đập cuộn dây thừng xe, đập đủ các hướng chông chéo, nhiều lần ở đáy và thân đồ đựng. Các loại trang trí văn khác như văn thừng tron, văn chải, ấn lỗ, miết láng và khắc vạch không nhiều. Riêng văn khắc vạch ở đây đơn điệu kiểu mắt lưới, chữ V, tam giác, đường cong dạng cánh hoa, khắc vạch hình sóng trên nền thừng, vòng tròn đồng tâm thường phổ biến trong

các di tích từ Tiền Đông Sơn đến Đông Sơn ở miền Bắc Việt Nam.

Đồ đồng có 16 di vật mang đặc trưng đồ đồng văn hóa Đông Sơn, gồm 2 rìu đồng (1 chiếc dạng gót vuông, 1 chiếc dạng đuôi cá, đều có họng tra cán), 5 dao găm có họng và lỗ chốt tra cán, lưỡi chỉ dạng hình lá, không có hoa văn trang trí; 1 mũi giáo dạng búp đa, họng tra cán có lỗ chốt ngang, 2 mảnh vòng, mặt cắt chữ D; 6 mảnh thạp hoặc nồi, 1 lục lạc giống lục lạc đồng Làng Vạc.

Đồ trang sức bằng thủy tinh có 11 hiện vật, trong suốt đủ màu: đỏ, trắng, vàng ngà, xanh lá cây, tím. Về loại hình hiện vật có 7 vòng tay (4 mặt cắt chữ D, 2 mặt cắt chữ T, 1 mặt cắt tam giác). Hạt chuỗi có 4 tiêu bản (3 viên bi, 1 viên khối chữ nhật) đều có lỗ xuyên qua để luồn dây.

Ngoài ra, ở xã Xá Lượng, huyện Tương Dương và các xã Chi Khê, Châu Khê, Bồng Khê, huyện Con Cuông tìm thấy trống đồng, rìu, giáo, chuông đồng, kiểu đồ đồng Đông Sơn muộn.

6. Kết luận

Văn hóa tiền sử miền núi Nghệ An là thành tố cơ bản của tiền sử Bắc Trung Bộ Việt Nam, có vị trí quan trọng trong diễn trình phát triển văn hóa tiền sử Việt Nam và Đông Nam Á lục địa.

Tư liệu hang Thẩm Ồm ở Quỳnh Châu xác nhận, vùng núi Nghệ An nằm trong địa bàn hình thành người hiện đại vào khoảng 60.000 BP và là mốc đánh dấu lịch sử văn hóa của người tối cổ trên đất Việt Nam. Những người hiện đại này còn tiếp tục cư trú ở vùng núi Nghệ An mà vết tích văn hóa đã tìm thấy lớp trên hang Thẩm Ồm, hang Thẩm Chàng và một số hang động khác,

niên đại trong khoảng từ 40.000 BP đến 11.000 BP. Những di tích văn hóa thời này còn gặp trong các di tích ngoài trời tiêu biểu Làng Vạc. Các di tích Đá cũ giai đoạn này mang sắc thái địa phương của văn hóa Sơn Vi, vốn phân bố đậm đặc ở miền trung du Bắc Bộ.

Các di tích của cư dân sơ kỳ thời đại Đá mới ở vùng núi Nghệ An có số lượng lớn, cư dân ở đó đều cư trú trong các hang động đá vôi. Các di tích này mang đặc trưng cơ bản của văn hóa Hòa Bình, song có một số đặc điểm riêng, là những nhịp cầu phát triển văn hóa Hòa Bình ở Việt Nam và Đông Nam Á lục địa.

Các nhóm cư dân giai đoạn hậu kỳ Đá mới ở vùng núi Nghệ An bảo lưu truyền thống săn bắt, hái lượm, đặc biệt là bắt các loài nhuyễn thể, cư trú ngăn ngày trong các hang động đá vôi, họ đã chế tạo và sử dụng rìu mài toàn thân và đồ gốm. Trong khi đó, các bộ lạc ở đồng bằng ven biển Bắc Trung Bộ định cư ven bầu nước, phát triển nhanh nông nghiệp dùng cuốc, khai thác hải sản, phát triển giao thông đường thủy, làm cho quá trình giao lưu, hội nhập và tiếp biến văn hóa ở vùng này diễn ra khá sôi động.

Khảo cổ học vùng núi Nghệ An mới được khám phá đôi nét, còn nhiều vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu trong tương lai. Mỗi di tích khảo cổ là một pho sử biên niên, một tấm thẻ căn cước của dân tộc. Nếu làm mất di tích là tự đánh mất mình, như người mất trí nhớ, không thể đưa con thuyền tới bến bờ thắng lợi. Các di tích văn hóa tiền sử Nghệ An nói riêng và Bắc Trung Bộ Việt Nam nói chung có vị trí đặc biệt quan trọng trong tiến trình phát triển kinh tế - xã hội

của khu vực cũng như của cả nước, cần được nghiên cứu, bảo vệ và phát huy.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Lâm Cường (1972), “Di cốt người cổ ở Hang Chùa và Thảm Hoi”, *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1972*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [2] Nguyễn Lâm Cường (2006), “Đào phúc tra hang Đồng Trương (Nghệ An)”, *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 2006*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [3] Nguyễn Xuân Diệu (1972), “Đào khảo cổ hang Thảm Hoi”, *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1972*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [4] Nguyễn Gia Đồi (1999), “Kỹ nghệ Điều trong bồi cánh khu vực”, *Tạp chí Khảo cổ học*, số 3.
- [5] Lê Trung Khá (1977), “Về răng người hóa thạch và công cụ thạch anh Thảm Ôm”, *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1977*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [6] Lưu Thị Phương Lan (2009), “Chu kỳ Younger Dryas trong số liệu từ cảm tại hang Con Moong (Thanh Hóa)”, *Các khoa học về trái đất*, t.31, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [7] Vũ Thế Long và cộng sự (1977), “Khai quật Thảm Ôm (Nghệ Tĩnh) đợt 1”, *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1977*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [8] Võ Quý (1972), “Đào khảo cổ Hang Chùa”, *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1972*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [9] Nguyễn Khắc Sửu (1992), “Tìm hiểu loại hình địa phương của văn hóa Hòa Bình”, *Tạp chí Khảo cổ học*, số 3.
- [10] Nguyễn Khắc Sửu, Phan Thanh Toàn (2015), “Phát hiện 21 di tích hang động tiền sử miền núi Nghệ

- An”, *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 2015*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [11] Hà Văn Tấn (1990), “Người, La Longrien và Bạch Liên Động”, *Những phát hiện mới về khảo cổ học 1990*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [12] Bùi Vinh, Bùi Văn Liêm, Trần Vinh (2004), “Kết quả khai quật hang Đồng Truong (Nghệ An)”, *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 2004*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [13] Anderson, D. (1990), Lang Rongrien Rockshelter: A Pleistocene - Early Holocene Archaeological Site from Krabi, Southwestern Thailand, *Philadelphia: The University Museum*, University of Pennsylvania.
- [14] Colani, M. (1931), Recherches sur le préhistorique indochinois, *Bulletin de l'Ecole Francaise d'Extrême- Orient*.
- [15] Demeter, F. et al (2015), Early modern humans and morphological Variation in Southeast Asia: Fossil evidence from Tam Pa Ling, Laos, *Plos one/doi Journal*, April.
- [16] Heekeren, H.R. van and E. Knuth (1967), *Archaeological Excavation in Thailand*, Vol.1, Sai York. Copenhagen, Munksgard.
- [17] Heng Sophady et al (2015), Laang Spean cave (Battambang): A tale of occupation in Cambode from the Late Pleistocene to Holocene, *Quaternary International*, N^o XXX
- [18] Long, V.T., de Vos, J., Ciochon, R.S. (1996), The fossil mammal fauna of the Lang Trang caves, Vietnam, compared with Southeast Asia fossil and recent mammal faunas: the geographical implications, *Bulletin of the Indo-Pacific Prehistory Association*, 14.
- [19] Marwick, B., et al., (2009), The Middle Mekong Archaeology Project and International Collaboration in Luang Prabang, Laos, *The SAA Archaeological Record* 9 (3).
- [20] Nguyen Khac Su (2016), Interaction between Humans and Environment in Trang An, Ninh Binh from 30,000 years to Date, *Vietnam Social Sciences*, N^o2.
- [21] Salvador Mijares A, et al (2010), New evidence for a 67,000 year - old human presence at Callao Cave, Luzon, Philippines *J Hum Evol* 2010, 59 (1).
- [22] Thaw U Aung (1971), The Neolithic Culture of the Padah Lin Cave, *Asian Perspectives*, vol. XIV.
- [23] Valery Zeitoun et al (2012), Direct dating of a Neolithic burial in the Laang Spean Cave, Battambang Provice, Cambodia: First regional Chrono-cultural implications, *Coptes Redus Palavol*, N^o 11.
- [24] White, J.C., et al (2009), Archaeological investigations in northern Laos: new contributions to Southeast Asian prehistory, *Antiquity* 83, 319.